

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng và bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 610/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997 (Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng T2); địa chỉ thường trú: 277/66 ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên hệ: số G ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T1, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Bé N, sinh năm 1986; địa chỉ: số D ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T là Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng T2 và ông Phạm Văn Bé N thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó bà Nguyễn Thị Thanh T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Phạm Văn Bé N nuôi tôm, đến cuối vụ ông N phải thanh toán dứt điểm công nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

Trong quá trình giao dịch, ông N không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 29/7/2023 ông N còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 305.157.000 đồng. Tuy nhiên ngày 05/8/2023 ông N có thanh toán công nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 25.000.000 đồng và ngày 12/8/2023, ông N có trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T 09 bao thức ăn nhãn hiệu F912S (đơn giá 912.000 x 9 bao = 8.208.000 đồng). Vậy tổng công nợ ông Phạm Văn Bé N còn nợ bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 271.949.000 đồng. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Thanh T không còn mua bán với ông N. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông N thanh toán tiền nợ nhưng ông N hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/11/2024 và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng tính từ ngày 02/11/2024 đến khi giải quyết xong vụ án. Nay bà Nguyễn Thị Thanh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T không yêu cầu tính lãi và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Phạm Văn Bé N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền mua bán còn nợ là 271.949.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Văn Bé N vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Bé N giao trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Văn Bé N có địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thùy T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Thùy T1. Đối với bị đơn ông Phạm Văn Bé N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, đồng thời ông Phạm Văn Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Văn Bé N.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Bé N có nghĩa vụ trả số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 271.949.000 đồng. Khi khởi kiện nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

[3.1] Hợp đồng mua bán ngày 09/5/2022, hợp đồng này thể hiện bên mua là ông Phạm Văn Bé N, ông N có ký tên trên Hợp đồng mua bán ngày 09/5/2022 với bên bán là Hộ kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản T2. Ngoài ra, trong hợp đồng mua bán này có thể hiện rõ năm sinh và địa chỉ của ông Phạm Văn Bé N.

[3.2] Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 29/7/2023 của H1 kinh doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản T2, trong đó thể hiện tổng nợ còn lại là 305.157.000 đồng có chữ ký của khách hàng là ông Phạm Văn Bé N.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng, ông Phạm Văn Bé N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ để ông Phạm Văn Bé N trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Phạm Văn Bé N không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như ông Phạm Văn Bé N đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[5] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa Hộ Kinh Doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản T2 với Phạm Văn Bé N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn Phạm Văn Bé N chưa thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ Hộ Kinh Doanh cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L số tiền mua bán 271.949.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh T là chủ Hộ Kinh Doanh cửa hàng T2. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Phạm Văn Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 271.949.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2023 đến ngày 01/11/2024 với số tiền là 33.858.000 đồng và

yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng tính từ ngày 02/11/2024 đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể là nguyên đơn không yêu cầu tính lãi với bị đơn. Xét thấy, việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T được chấp nhận nên ông Phạm Văn Bé N phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 271.949.000 đồng x 5% = 13.597.450 đồng.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Văn Bé N về yêu cầu tính lãi từ ngày 10/8/2023 đến ngày 01/11/2024 với số tiền là 33.858.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định là 0,83%/tháng tính từ ngày 02/11/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bị đơn ông Phạm Văn Bé N. Buộc ông Phạm Văn Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền mua bán còn nợ là 271.949.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Phạm Văn Bé N có nghĩa vụ nộp 13.597.450 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.646.000 đồng theo biên lai thu số 0008554 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú